

Số: 2595 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 10 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả
kinh phí thăm dò đối với mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường
tại núi Bà Đầm, xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau; Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 11/GP-UBND ngày 21/01/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Bà Đầm, xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa” (trữ lượng tính đến ngày 20/02/2017); Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về

việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản số 2065/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp năm 2017 đối với các đơn vị khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo Công văn số 8904/UBND-CN ngày 11/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chủ trương cho Công ty TNHH Thanh Nghệ lập hồ sơ thăm dò, khai thác mở rộng mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 742/TTr-STNMT ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Bà Đầm, xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Bà Đầm, xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, gồm những nội dung chính như sau:

1. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty TNHH Thanh Nghệ; địa chỉ: Khu CN làng nghề, xã Đông Lĩnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.1. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2018 Đơn vị phải nộp đối với khu vực mỏ cũ tại Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 11/GP-UBND ngày 21/01/2014 của UBND tỉnh: $T_{(2018-mỏ cũ)} = 94.312.999$ đồng

1.2. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2018 Đơn vị phải nộp đối với khu vực mỏ mở rộng:

a) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

- $G_1 = G_m \times K_{qd} = 70.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,475 = 103.250 \text{ đồng/m}^3$ đối với đá vôi làm VLXD thông thường;

- $G_2 = G_m \times K_{qd} = 2.100.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,0 = 2.100.000 \text{ đồng/m}^3$ đối với đá khối để xẻ;

b) Trữ lượng tính tiền cấp quyền: Được phê duyệt tại Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 và Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 06/3/2018: $Q = Q_1 + Q_2 = 964.045 \text{ m}^3$, trong đó:

- Q_1 là trữ lượng đá vôi làm VLXD thông thường = 896.561 m^3 ;

- Q_2 là trữ lượng đá khối để xẻ = 67.484 m^3 ;

c) Hệ số thu hồi khoáng sản theo phương pháp khai thác lộ thiên: $K_1 = 0,9$;

d) Hệ số điều kiện kinh tế xã hội: $K_2 = 0,9$ (Vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, theo quy định tại Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ);

đ) Mức thu tiền cấp quyền khai thác:

- $R_1 = 3\%$ (đối với than bùn và các loại vật liệu xây dựng thông thường còn lại);

- $R_2 = 1\%$ (đối với đá ốp lát, đolômít, sét nguyên liệu xi măng);

e) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp là:

$T = (Q_1 \times G_1 \times K_1 \times K_2 \times R_1) + (Q_2 \times G_2 \times K_1 \times K_2 \times R_2) = (896.561 \text{ m}^3 \times 103.250 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 0,9 \times 3\%) + (67.484 \text{ m}^3 \times 2.100.000 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 0,9 \%) = 3.397.351.975 \text{ đồng}$ (Ba tỷ, ba trăm chín bảy triệu, ba trăm năm một nghìn, chín trăm bảy lăm đồng);

f) Số năm khai thác (làm tròn) là: $X = 30$ năm;

g) Số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là: 15 lần.

h) Số tiền phải nộp hàng năm:

$T_{\text{hn}} = 2T : X = ((2 \times 3.397.351.975 \text{ đồng}) : 30) = 226.490.132 \text{ đồng}$;

i) Số tiền nộp lần đầu: $T_{\text{ld}(2018)} = T_{\text{hn}} = 226.490.132 \text{ đồng}$; (Hai trăm hai sáu triệu, bốn trăm chín mươi nghìn, một trăm ba hai đồng);

k) Số tiền nộp các lần tiếp theo (từ lần 2 ÷ 15) được tính theo công thức sau:

$T_n = T_{\text{hn}} \times G_n$; Trong đó:

+ T_n là số tiền nộp lần thứ n (từ lần 2 ÷ 15);

+ T_{hn} là tiền nộp hàng năm;

+ G_n - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm nộp tiền lần thứ n;

+ G - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản lần đầu;

1.3. Tổng số tiền Đơn vị phải nộp năm 2018:

$T_{(2018-\text{mô cũ})} + T_{\text{ld}(2018)} = 94.312.999 \text{ đồng} + 226.490.132 \text{ đồng} = 320.803.130 \text{ đồng}$ (Ba trăm hai mươi triệu, tám trăm lẻ ba nghìn, một trăm ba mươi đồng).

1.4. Thời điểm nộp tiền:

- Đối với số tiền phải nộp năm 2018, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;

- Các lần tiếp theo nộp trước ngày 31/3 các năm tiếp theo.

2. Hoàn trả kinh phí thăm dò: Khu vực mở rộng mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Bà Đằm, xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc do Công ty TNHH Thanh Nghệ tự bỏ kinh phí thăm dò trừ lượng. Do đó, đơn vị không phải hoàn trả kinh phí thăm dò cho ngân sách Nhà nước.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa thông báo đến Công ty TNHH Thanh Nghệ về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

2. Công ty TNHH Thanh Nghệ có trách nhiệm:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách Nhà nước theo quy định;

- Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý tải trọng xe, có trách nhiệm sửa chữa các đường giao thông hư hỏng do quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản gây ra;

3. UBND huyện Ngọc Lặc, UBND xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc có trách nhiệm quản lý tải trọng của các phương tiện vận chuyển khoáng sản theo thẩm quyền.

4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành, tham mưu điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) đối với Công ty TNHH Thanh Nghệ.

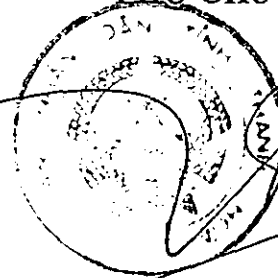
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Ngọc Lặc; Chủ tịch UBND xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc; Giám đốc Công ty TNHH Thanh Nghệ; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *thuc*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT TT Nguyễn Đức Quyền;
- Lưu: VT, CNXDGT, KTTC (HYT).
QDKP 18-117

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *dan*



Lê Thị Thìn
Lê Thị Thìn